

Bản án số: 284/2017/DSST

Ngày: 28/12/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thân.
2. Bà Bùi Thụy Thanh Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở của Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 221/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2017/QĐST-DS ngày 07/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1967; địa chỉ: đường H, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

2. Bị đơn:

a) Bà Huỳnh Ngọc Tuyết P, sinh năm 1967; địa chỉ: đường B, Phường C, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

b) Ông Trần Văn M, sinh năm 1961; địa chỉ: đường B, Phường C, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày:

Vào năm 2016 và năm 2017, bà Huỳnh Ngọc Tuyết P và ông Trần Văn M có vay của bà Phạm Thị Kim L nhiều lần với tổng số tiền là 3.320.000.000 đồng theo các giấy vay tiền sau:

- Năm 2016 gồm:

+ “Hợp đồng góp vốn” ngày 19/4/2016 số tiền 1.000.000.000 đồng;

+ “Giấy mượn tiền” ngày 10/5/2016 số tiền 600.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 100.000.000 đồng từ tháng 6/2016 đến tháng 11/2016;

+ “Giấy mượn tiền” ngày 13/7/2016 số tiền 650.000.000 đồng;

+ “Giấy mượn tiền” ngày 18/10/2016 số tiền 150.000.000 đồng;

- Năm 2017 gồm:

+ “Giấy mượn tiền” ngày 13/01/2017 số tiền 240.000.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 13/02/2017;

+ “Giấy mượn tiền” ngày 01/3/2017 số tiền 350.000.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 15/4/2017;

- “Giấy mượn tiền” ngày 27/3/2017 số tiền 330.000.000 đồng;

Riêng “Hợp đồng góp vốn” ngày 19/4/2016 thực chất là giấy vay tiền.

Sau khi vay tiền, đến hạn trả nợ theo các giấy vay tiền ngày 10/5/2016, ngày 13/01/2017 và ngày 01/3/2017 nhưng vợ chồng bà P và ông M không trả nợ. Do đó, bà L đã thông báo yêu cầu bà P trả cho bà toàn bộ số nợ 3.320.000.000 đồng theo 07 giấy vay tiền nêu trên nhưng đến nay bà P và ông M vẫn chưa trả tiền cho bà.

Nay bà L yêu cầu vợ chồng bà P ông M trả cho bà số tiền nợ là 3.320.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Tại bản tự khai ngày 01/11/2017 và các biên bản hòa giải ngày 01/11/2017, ngày 16/11/2017 bị đơn là bà Huỳnh Ngọc Tuyết P và ông Trần Văn M trình bày:

Bà P và ông M xác nhận có vay của bà L nhiều lần với tổng số tiền là 3.320.000.000 đồng theo các giấy mượn tiền nêu trên.

Bà P và ông M xác nhận “Hợp đồng góp vốn” ngày 19/4/2016 thực chất là giấy vay tiền và số tiền vợ chồng bà vay của bà L là 1.000.000.000 đồng. Nay bà P và ông M đồng ý trả số nợ trên, tuy nhiên ông bà đang có khó khăn về kinh tế do làm ăn thua lỗ nên bà P và ông M xin trả dần theo cách thức như sau:

- Lần 1: ngay sau khi bán được căn nhà và đất tại chỉ đường B, Phường C, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà P và ông M sẽ trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng.

- Số tiền 3.020.000.000 đồng còn lại bà P và ông M xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng khi ổn định cuộc sống và có điều kiện kinh tế.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đương sự có mặt tại phiên tòa trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ 00 ngày 07/12/2017 và 08 giờ 00 phút ngày 28/12/2017, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo về thời gian, địa điểm xét xử nêu trên nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS).

[1] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền 3.320.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Căn cứ vào sự thừa nhận của bà P và ông M tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 01/11/2017 và biên bản hòa giải ngày 16/11/2017 có cơ sở để xác định bà P và ông M có vay của bà L số tiền 3.320.000.000 đồng theo các chứng cứ được lần lượt ký hiệu như sau: “Hợp đồng góp vốn” ngày 19/4/2016 số tiền 1.000.000.000 đồng (thực chất là hợp đồng vay tiền được ký hiệu là 1) và các “Giấy mượn tiền” ngày 10/5/2016 số tiền 600.000.000 đồng (2), ngày 13/7/2016 số tiền 650.000.000 đồng (3), ngày 18/10/2016 số tiền 150.000.000 đồng (4), ngày 13/01/2017 số tiền 240.000.000 đồng (5), ngày 01/3/2017 số tiền 350.000.000 đồng (6), ngày 27/3/2017 số tiền 330.000.000 đồng (7).

Giao dịch giữa hai bên được xác định là hợp đồng vay tài sản và không lãi; các “Giấy mượn tiền” có ký hiệu (1), (3), (4) và (7) được xác định không có kỳ hạn; đối với các “Giấy mượn tiền” có ký hiệu (2), (5) và (6) được xác định là có kỳ hạn. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện nên có giá trị pháp lý, ràng buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*”.

Quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận, mặc dù đã được bà L thông báo bằng văn bản về yêu cầu trả nợ nhưng bà P và ông M không trả số tiền đã vay cho bà L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản hòa giải ngày 01/11/2017 và ngày 16/11/2017 các bên thống nhất số tiền bà P và ông M còn nợ bà L là 3.320.000.000 đồng nhưng không thống nhất được thời gian và cách thức trả nợ.

Việc bà P và ông M đề nghị trả trước 300.000.000 đồng ngay sau khi bán nhà (căn nhà hiện đang thế chấp cho ngân hàng) và tiếp tục trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ khi ổn định được cuộc sống và có điều kiện mà không xác định được thời hạn cụ thể là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó cần buộc bà P và ông M trả toàn bộ số tiền đã vay còn lại cho bà L bằng một lần.

[2] Về tiền lãi: Do bà L tự nguyện không yêu cầu bà P và ông M trả tiền lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 3.320.000.000 đồng.

Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả là 98.400.000 đồng (chín mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L.
2. Buộc bà Huỳnh Ngọc Tuyết P và ông Trần Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền 3.320.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng).

Trong trường hợp bà P và ông M chậm trả tiền thì bà P và ông M còn phải trả tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Bà Huỳnh Ngọc Tuyết P và ông Trần Văn M liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 98.400.000 đồng (chín mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.200.000 đồng (bốn mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/ 4/ 004549 ngày 16/10/ 7 và của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bà Phạm Thị Kim L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Ngọc Tuyết P và ông Trần Văn M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Anh